

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu:

1. Anh Phạm Minh Đ, sinh năm 1983;

2. Chị Lương Thị N, sinh năm 1986;

Đều cư trú: Số nhà 04/10, ngõ 149, đường T, tổ 3 (tổ 5 cũ), phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Minh Đ và chị Lương Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình ngày 05/02/2007, tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị và hai bên gia đình đã nhiều lần tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trở nên trầm trọng. Đến năm 2017 anh chị sống ly thân. Mặc dù vẫn sống cùng một nhà nhưng anh chị không quan tâm đến nhau. Hiện nay, anh Đ và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu của anh Đ và chị N là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Phạm Minh Đ và chị Lương Thị N có 02 con chung là Phạm Lương S, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2007 và Phạm Minh T, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2014. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng (hai con là 2.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 11/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh Đ và chị N về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con Phạm Lương S và Phạm Minh T, đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Phạm Minh Đ và chị Lương Thị N không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó, Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Minh Đ và chị Lương Thị N thỏa thuận nộp lệ phí giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành 19/11/2021, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Minh Đ và chị Lương Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 10 do UBND phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/02/2007 không còn giá trị.

1.2. Về con chung: Chị Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Phạm Lương S, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2007 và cháu Phạm Minh T, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2014, anh Phạm Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng (hai con là 2.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 11/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Minh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Phạm Minh Đ và chị Lương Thị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Minh Đ và chị Lương Thị N mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Đ và chị N đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0000388 ngày 03/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH:
UBND phường K, thành phố B, tỉnh
Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hân